

Bản án số: 35/2024/HNGĐ - ST  
Ngày: 18/7/2024  
“V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thanh Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Dương Viết Vĩnh  
2. Ông Nguyễn Văn Hợi

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Giáp – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:***  
Không tham gia

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, về việc “tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐ-TA ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Dương Thị H, sinh năm 1990

Nơi cư trú: xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

**Bị đơn:** Anh: Dương Văn T, sinh năm 1978

Nơi cư trú: xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Chị H và anh T có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa chị Dương Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh T vào ngày 16/01/2015, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Do không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 01 tháng 05 năm 2023 cho tới nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng. Vì vậy, chị đề nghị

Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh **T** để hai bên có thể ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là **Dương Thị Trà M**, sinh ngày 03/5/2016 và **Dương Đức D**, sinh ngày 12/7/2017.

Khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị và anh **T** sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H** và anh **T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên toà anh **T** trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị **H** đã trình bày. Về quan hệ hôn nhân vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống đến giờ vẫn không hàn gắn được khiến cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ ngày 01 tháng 05 năm 2023 đến nay. Anh **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay chị **H** có đơn xin ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Anh **T** xác định có 02 con chung là **Dương Thị Trà M**, sinh ngày 03/5/2016 và **Dương Đức D**, sinh ngày 12/7/2017.

Anh **T** không nhất trí chị **H** nuôi hai con, anh có nguyện vọng mỗi người trực tiếp nuôi một con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh **T** xác định thu nhập hàng tháng khoảng 10-30 triệu, làm nghề kinh doanh tự do có thể đảm bảo nuôi con, ăn học.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị **H** tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tiếp nhận đơn của Toà án, việc thụ lý đơn khởi kiện và quá trình giải quyết của Hội đồng xét xử và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326 của Quốc hội, giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của chị **Dương Thị H**, cho chị **H** được ly hôn anh **T**.

- Về con chung: Giao con **Dương Thị Trà M** và **Dương Đức D1** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Anh **T** không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị **H** và anh **T** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án ly hôn căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh **T** hiện đang cư trú tại **huyện P**, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **H** và anh **T** kết hôn với nhau ngày 16/01/2015, tại Ủy ban nhân dân xã **T**, **huyện P**, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện đủ điều kiện được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị **H** và anh **T** đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Chị **H** xác định mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên chị **H** có nguyện vọng xin được ly hôn với anh **T**.

Anh **T** xác định nguyên nhân dẫn đến việc chị **H** yêu cầu ly hôn với anh là do không tìm được tiếng nói chung khiến cho vợ chồng xảy ra cãi vã. Hiện nay, chị **H** đã bỏ về nhà ngoại ở. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng chị **H** yêu cầu giải quyết ly hôn anh đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, thực tế trong cuộc sống vợ chồng anh, chị đã xảy ra những mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị **H** và anh **T** đã ở mức trầm trọng không thể khắc phục

được, tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **H** và anh **T**, cho chị **H** được ly hôn anh **T** như vậy là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là **Dương Thị Trà M**, sinh ngày 03/5/2016 và **Dương Đức D1**, sinh ngày 12/7/2017.

Nhận thấy chị **H** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh **T** có nguyện vọng nuôi một con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con ở với chị **H** đã ổn định về sinh hoạt và học tập. Chị **H** là công chức nhà nước có mức thu nhập ổn định. Hai cháu **M** và **D1** đều có nguyện vọng được ở với mẹ và mong được mẹ trực tiếp chăm sóc và dạy bảo.

Xét thấy, cần đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ nhỏ, nguyện vọng của các cháu và điều kiện chăm sóc, giáo dục con của chị **H** thấy rằng khi ly hôn giao cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **M** và **D1** cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác như vậy là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh **T** không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị **H** và anh **T** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh **T** và chị **H** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị **H** và anh **T** không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của chị Dương Thị H, cho chị H được ly hôn anh T.

2. Về con chung: Giao con Dương Thị Trà M, sinh ngày 03/5/2016 và Dương Đức D, sinh ngày 12/7/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con trưởng thành (đủ 18) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị H và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị H và anh T không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được chuyển từ tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0003776 ngày 10/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, chị H được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; anh T được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Thượng Đình;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhàn**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhân**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Dương Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Lưu HS.

**Đỗ Thị Thanh Nhân**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhân**







